TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 16 - 3 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Điền và ông Nguyễn Đình Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Trịnh Quốc Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2017/HSST, ngày 30/11/2017, đối với các bị cáo:

1. Trương Thị Phương T, tên gọi khác: "V", "K"; sinh ngày 05 tháng 5 năm 1988 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương C và bà Lê Thị G; có chồng là Đỗ Xuân K và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh ngày 22/11/2016; tiền sự: Có 01 tiền sự, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 05/2015/QĐ-TA ngày 15/01/2015, đến ngày 03/11/2015 chấp hành xong quyết định; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2016/HSST ngày 04/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (Bị cáo đang được hoãn chấp hành hình phạt tù do nuôi con dưới 36 tháng tuổi); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/5/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Đức N, tên gọi khác: "C"; sinh ngày 22 tháng 5 năm 1996 tại xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ làm sân cỏ nhân tạo; trình độ học

vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô X và bà Huỳnh Thị Ngọc L; chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không có; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Lê Huỳnh H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

+ Anh Trần H (tên gọi khác N), sinh năm 1995; nơi cư trú:Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Anh Nguyễn Q (tên gọi khác Đ), sinh năm 1995; nơi cư trú:Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Anh Nguyễn Đắc C, sinh năm 1998; nơi cư trú:Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Anh Trương Đức T; sinh năm 2000; nơi cư trú:Tổ dân phố X, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 21 H, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị Thu H (tên gọi khác M), sinh năm 1995; nơi cư trú: Đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

+ Chị Mai Nguyễn Nhã T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khối phố Y, phường S, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 06/4/2017, tại ngã ba đường giao nhau giữa Quốc lộ 1 và đường vào khu du lịch R thuộc Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã bắt quả tang Ngô Đức N đang thực hiện hành vi bán 02 gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng cho Lê Huỳnh H; theo N và H khai là ma túy đá. Quá trình khám xét trong người Lê Huỳnh H phát hiện thu giữ 02 gói nylon màu trắng bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng mà H khai nhận là ma túy mới mua của N. Thu giữ trong người N 800.000 đồng theo N khai nhận là tiền bán ma túy cho H; số ma túy N đã bán cho H là của Trương Thị Phương T giao cho N đi bán.

Từ lời khai của Ngô Đức N, tiến hành mở rộng truy xét, đến 05 giờ 31 phút cùng ngày 06/4/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Thị Phương T (tại nhà của ông Trương C là cha đẻ của T ở thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế). Tại đây, phát hiện T đang sử dụng ma túy cùng với các đối tượng Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Thu H, Mai Nguyễn Nhã T. Trong quá trình khám xét, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P tiếp tục phát hiện thu giữ 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, theo T khai nhận đó là ma túy tổng hợp dạng đá và một số dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá.

Quá trình điều tra, đã xác định được trong tháng 4/2017, Trương Thị Phương T và Ngô Đức N còn có hành vi nhiều lần trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng sử dụng. Cụ thể: Vào ngày 04/4/2017, Trần H (tức N) gọi điện thoại cho Trương Thị Phương T hỏi mua ma túy với giá 300.000 đồng, T đồng ý và hẹn H đến gần quán B ở xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để giao ma túy. Sau khi thỏa thuận mua bán xong, đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, T giao 01 gói ma túy dạng đá cho Ngô Đức N đến bán cho H, lấy số tiền 300.000 đồng, N sử dụng 50.000 đồng mua nước, còn 250.000 đồng đem về cho T. Sau khi mua được ma túy, H đã cùng với Nguyễn Đắc C, Trương Đức T sử dụng cá nhân hết. Vào ngày 03/4/2017, Nguyễn Q (tức Đ) gọi điện thoại cho Trương Thị Phương T hỏi mua ma túy đá với giá 500.000 đồng, T đồng ý và hẹn Q vào thị trấn L, huyện P để giao ma túy. Q cùng với Trần H, Nguyễn Đắc C góp chung số tiền 500.000 đồng để mua ma túy rồi đến gặp T tại trước Nhà nghỉ Q trên Quốc lộ 1 thuộc Tổ dân phố D, thị trấn L, huyện P. Tại đây, T trực tiếp bán cho C 01 gói ma túy dạng đá và lấy 500.000 đồng. Số ma túy này C, H, T sử dụng cá nhân hết.

Về nguồn gốc số ma túy trên, Trương Thị Phương T khai nhận mua ở gần Bệnh viện ung bướu Đà Nẵng của một người thanh niên không rõ lai lịch, địa chỉ, khoảng 23 tuổi, cao khoảng 1m50 nói giọng Quảng Nam.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen, biển kiểm soát 43 S8-ABCD (chủ sở hữu là anh Phạm Văn T) là phương tiện Ngô Đức N sử dụng để đi bán ma túy cho Lê Huỳnh H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu giữ của Ngô Đức N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của Lê Huỳnh H; 800.000 đồng tiền Việt Nam thu giữ của Ngô Đức N; 01 cây kéo có lưỡi làm bằng kim loại màu trắng, cán kéo màu tím; 02 cái bật lửa gas; 01 vỏ nylon màu trắng; thu giữ của Trương Thị Phương T 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm: ống hút bằng nhựa, ống thủy tinh (nỏ) gắn với bịch nhựa có chứa chất lỏng màu trắng, đáy bằng nắp nhựa màu xanh và 03 đoạn ống nhựa tách rời; 01 ống thủy tinh (nỏ) thu giữ của Lê Huỳnh H; thu giữ 02 gói nylon màu trắng bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng trong người Lê Huỳnh H, 01 gói nylon màu trắng bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng thu giữ tại nơi ở của Trương Thị Phương T (sau khi thu giữ đã tiến hành niêm phong để trưng cầu giám định).

Ngày 06/4/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định số 73/QĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định đối với 02 gói nylon màu trắng bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng trong người Lê Huỳnh H đã được niêm phong (ký hiệu A1); 01 gói nylon màu trắng bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng thu giữ tại nơi ở của Trương Thị Phương T đã được niêm phong (ký hiệu A2).

Tại Kết luận giám định số 116/GĐ ngày 07/4/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận:

* Mẫu tinh thể rắn màu trắng chứa trong gói niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định có tổng trọng lượng là 0,0877 gam (không phẩy không tám bảy bảy gam) đều có Methamphetamine - là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

* Mẫu tinh thể rắn màu trắng chứa trong gói niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng trọng lượng là 0,0661 gam (không phẩy không sáu sáu một gam) đều có Methamphetamine - là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Sau khi giám định, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã niêm phong và hoàn lại 0,0277 gam (không phẩy không hai bảy bảy gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng có Methamphetamine trong gói niêm phong ký hiệu A1 cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P quản lý; không hoàn lại mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu A2 do đã sử dụng hết trong quá trình giám định và lưu mẫu.

Đối với hành vi mua trái phép chất ma túy của các đối tượng Lê Huỳnh H, Nguyễn Q, Trần H, Nguyễn Đắc C, Trương Đức T, quá trình điều tra xác định được các đối tượng này mua ma túy để sử dụng cá nhân; đối với Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Thu H, Mai Nguyễn Nhã T chỉ sử dụng trái phép chất ma túy, nên đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính cùng ngày 06/7/2017.

Đối với người thanh niên đã bán ma túy cho Trương Thị Phương T ở gần Bệnh viện ung bướu Đà Nẵng do chưa xác định được địa chỉ, lai lịch cụ thể nên chưa có cơ sở để xử lý.

Tại Cáo trạng số 47/QĐ-KSĐT ngày 27/11/2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố Trương Thị Phương T, Ngô Đức N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 197 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên toàn bộ cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Trương Thị Phương T, Ngô Đức N và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Nghị quyết số: 41/2017/QH14; điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với cả 2 bị

cáo; áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo N, áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thị Phương T từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù; tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số: 33/2016/HSST ngày 04/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" thành hình phạt chung buộc bị cáo T phải chấp hành, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án. Đề nghị xử phạt bị cáo N từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/4/2017.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen, biển kiểm soát 43 S8-ABCD cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn T. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh của bị cáo Ngô Đức N. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 800.000 đồng do các bị cáo mua bán trái phép chất ma túy mà có. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Lê Huỳnh H. Tịch thu, tiêu hủy các dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy: 01 cây kéo có lưỡi làm bằng kim loại màu trắng, cán màu tím; 02 chiếc máy bật lửa gas; 01 vỏ nylon màu trắng; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy (ống hút bằng nhựa; ống thủy tinh "nỏ" gắn với bịch nhựa có chứa chất lỏng màu trắng, đậy bằng nắp nhựa màu xanh và 03 đoạn ống tách rời); 01 ống thủy tinh "nỏ". Tịch thu, tiêu hủy 0,0277 gam mẫu tinh thể rắn màu trắng có chứa Methamphetamine trong gói niêm phong ký hiệu A1 cùng các vật liệu dùng để gói, niêm phong khi giám định. Buộc bị cáo Trương Thị Phương T phải nộp số tiền 800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào điểm d khoản 1 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì tội danh "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là tội phạm được tách ra từ tội ghép quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) "Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy". Các bị cáo Trương Thị Phương T, Ngô Đức N đều bị truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 "Phạm tội nhiều lần", đối chiếu với điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm

2015 thì cả hai điểm, khoản, điều luật này đều chỉ có một khung hình phạt duy nhất là hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Đối với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng đối với các bị cáo T, N trong vụ án này là giống nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo Trương Thị Phương T, Ngô Đức N tại phiên tòa là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tạm giữ vật chứng; biên bản khám xét khẩn cấp; biên bản đối chất, nhận dạng; lời khai của người làm chứng, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; các kết luận giám định chất ma túy và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận:

Trong các ngày 03/4, 04/4 và 06/4/2017, các bị cáo Trương Thị Phương T và Ngô Đức N đã có hành vi 03 (ba) lần bán trái phép chất ma túy Methamphetamine cho các đối tượng sử dụng. Trong đó, bị cáo T 01 lần trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Đắc C, Trần H, Nguyễn Q; 02 lần giao cho Ngô Đức N đi bán ma túy cho Lê Huỳnh H và Trần H (tức N). Ngô Đức N có 02 lần giúp sức cho bị cáo T bán trái phép chất ma túy. Đối với chất ma túy mà các bị cáo Trương Thị Phương T, Ngô Đức N bán trái phép đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế giám định và xác định tại Kết luận giám định số: 116/GĐ ngày 07/4/2017 có trọng lượng là 0,0877 gam và 0,0661 gam, đều là chất ma túy Methamphetamine nằm trong danh mục II, số thứ tự 67 Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Phương T không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng Trần H, Nguyễn Đắc C, Nguyễn Q vào ngày 03/4/2017 trước nhà nghỉ Q tại thị trấn L, huyện P. Đối với số ma túy mà T đã đưa cho bị cáo Ngô Đức N bán cho Trần H ở khu vực quán B, xã T, huyện P ngày 04/4/2017 là ma túy giả. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với hành vi bị cáo T bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng H, C, Q trước nhà nghỉ Q ngày 03/4/2017 đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành đối chất, nhận dạng giữa các đối tượng H, C, Q và các đối tượng này đều xác định qua ảnh đúng bị cáo T là người trực tiếp bán ma túy, đối tượng C là người trực tiếp nhận ma túy và giao số tiền 500.000 đồng cho bị cáo T. Lời khai của 03 đối tượng H, C, Q trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thể hiện vào khoảng từ 0 giờ đến 04 giờ sáng ngày 03/4/2017, H, C, Q cùng ngồi nhậu tại cầu "K" thuộc thôn D, xã T, huyện P; C khởi xướng việc mua ma túy để sử dụng, C góp 200.000 đồng, H và Q mỗi người góp 150.000 đồng, tổng cộng là 500.000 đồng; Q sử dụng điện thoại di động của Trần H số thuê bao 0121.XXX.XXXX gọi vào điện thoại di động của bị cáo T số thuê bao 0935.YYY.YYY. Lời khai của các đối tượng H, C, Q là phù hợp với tài liệu do Tổng công ty Mobifone cung cấp cho cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện P thể hiện tại số thứ tự từ 25-29 (Bút lục 268) có 05 cuộc gọi từ số điện thoại 0121.XXX.XXXX của H đến số điện thoại 0935.YYY.YYY của bị cáo T và tại số thứ tự từ 163 - 171 (Bút lục 271) có 05 cuộc gọi từ số điện thoại 0935.YYY.YYY của bị cáo T đến số điện thoại 0121.XXX.XXXX của H vào thời điểm từ 04 giờ đến 05 giờ sáng ngày 03/4/2017. Tại phiên tòa bị cáo T khai thêm rằng tại thời điểm ngày 03/4/2017 bị cáo đang ở nhà nghỉ M tại thị trấn C, huyện P, khi nhận điện thoại của H gọi đến thì tắt ngay; bị cáo T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời khai của bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với việc bị cáo T khai số ma túy giao cho bị cáo N bán cho các đối tượng Trần H, Nguyễn Đắc C, Trương Đức T tại khu vực quán B, xã T là ma túy giả. Tại phiên tòa bị cáo khai bị cáo sử dụng bột đèn huỳnh quang trộn lẫn với phèn chua để bán, đối chiếu với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra bị cáo chỉ khai là sử dụng bột đèn huỳnh quang làm ma túy giả. Trong khi đó, các đối tượng Trần H, Nguyễn Đắc C, Trương Đức T sau khi mua ma túy do bị cáo N giao tại khu vực quán B để cùng nhau sử dụng chung đều xác nhận đó là ma túy đá. Chứng tỏ lời khai của bị cáo T tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai trong quá trình điều tra và bị cáo cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Thái độ khai báo của bị cáo T là không có căn cứ, không thành khẩn.

Với những hành vi các bị cáo đã thực hiện và trọng lượng chất ma túy đã được giám định, kết luận như trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định các bị cáo Trương Thị Phương T, Ngô Đức N đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố đối với các bị cáo T, N là có căn cứ pháp luật.

Các bị cáo Trương Thị Phương T, Ngô Đức N có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã nhiều lần sử dụng chất ma túy, nhận thức được tính chất và hậu quả của việc mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, góp phần làm gia tăng tệ nạn ma túy, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh các các tệ nạn xã hội, lây nhiễm HIV/AIDS, cũng như các loại tội phạm khác. Nên cần phải xét xử thật nghiêm minh đối với các bị cáo thì mới đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và có tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét vị trí và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vụ án có đồng phạm, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ về mặt tổ chức. Trong đó, bị cáo Trương Thị Phương T vừa là người chủ mưu, khởi xướng vừa là người trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Ngô Đức N là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo T trong việc bán trái phép chất ma túy. Do vậy, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo N.

[3] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với bị cáo Trương Thị Phương T có 01 tiền sự, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 05/2015/QĐ-TA ngày 15/01/2015; có một tiền án về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Bản án số: 33/2016/HSST ngày 04/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Bị cáo đang được hoãn chấp hành hình phạt tù do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi). Do vậy, bị cáo T đã phạm vào tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Ngô Đức N không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự; về nhân thân chưa có tiền sự, tiền án. Bị cáo Trương Thị Phương T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo không thành khẩn, thái độ quanh co không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Đắc C, Trần H, Nguyễn Q trước nhà nghỉ Q, thị trấn C, huyện P, nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, sinh ra trong gia đình cha mẹ đã ly hôn, lớn lên thiếu sự giám sát, giáo dục đầy đủ từ phía gia đình, nhà trường và xã hội. Đối với bị cáo Ngô Đức N có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện hành vi, tính chất đồng phạm, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của các bị cáo Trương Thị Phương T, Ngô Đức N. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này, hành vi mua trái phép chất ma túy Methamphetamine để sử dụng cá nhân của các đối tượng Lê Huỳnh H, Nguyễn Q, Trần H (tức N), Nguyễn Đắc C, Trương Đức T và hành vi sử dụng chất ma túy Methamphetamine của Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Thu H (tức M), Mai Nguyễn Nhã T do sự thay đổi trong chính sách hình sự của Nhà nước đã bãi bỏ Điều 199 "Tội sử dụng trái phép chất ma túy" theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2010 quy định không xử lý về hình sự; nhưng căn cứ vào khoản 4 Điều 8 của Bộ luật hình sự năm 1999 phải bị xử lý bằng biện pháp khác. Việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra các quyết định xử phạt vi phạm hành chính cùng ngày 06/7/2017 xử phạt tiền đối với Lê Huỳnh H, Nguyễn Q, Trần H (tức N), Nguyễn Đắc C, Trương Đức T, Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Thu H (tức M), Mai Nguyễn Nhã T là đúng pháp luật.

Đối với đối tượng đã bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Trương Thị Phương T tại khu vực Bệnh viện ung bướu thành phố Đà Nẵng, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể. Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục điều tra, truy xét, xác minh làm rõ để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Việc bị cáo T sử dụng nhà ở của ông Trương C là cha đẻ của bị cáo để liên lạc mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành xác minh ông Trương C không có mặt tại nhà ở trong thời gian này; nên các cơ quan tiến hành tố tụng không đặt ra việc xem xét trách nhiệm đối với ông Trương C.

[4] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đảm bảo đúng về trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu Sirius màu đen, biển kiểm soát 43S8 - ABCD của Nguyễn Quang T mượn của anh Phạm Văn T, quá trình điều tra xác định anh T không biết T mượn xe để sử dụng vào mục đích gì; khi Ngô Đức N sử dụng để đi bán trái phép chất ma túy thì anh T không biết, nên cần trả lại cho anh Phạm Văn T. Đối với một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu giữ của bị cáo Ngô Đức N, quá trình điều tra xác định được bị cáo N đã sử dụng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của Lê Huỳnh H, là phương tiện H sử dụng để trao đổi mua bán trái phép chất ma túy với Trương Thị Phương T, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 800.000 đồng, quá trình điều tra đã xác định được số tiền này bị cáo N có được do hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lê Huỳnh H, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 cây kéo lưỡi làm bằng kim loại màu trắng, cán màu tím; 02 chiếc bật lửa gas; 01 vỏ nylon màu trắng; 01 bộ dụng cụ gồm (ống hút bằng nhựa, ống thủy tinh "nỏ" gắn với bịch nhựa màu trắng bên trong có chứa chất lỏng màu trắng đậy bằng nắp nhựa màu xanh và 03 đoạn ống nhựa tách rời); 01 ống thủy tinh "nỏ", đây là những dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số ma túy còn lại sau khi đã gửi giám định được niêm phong có xác nhận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế gồm: 0,0277 gam trong gói niêm phong ký hiệu A1, là chất ma túy thuộc danh mục II số thứ tự 67 Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất, nên cần áp dụng Điều 24 của Luật phòng, chống ma túy và Điều 104 của Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu, tiêu hủy.

Đối với khoản tiền 800.000 đồng bị cáo Trương Thị Phương T có được do hành vi trực tiếp và có sự giúp sức của bị cáo Ngô Đức N bán trái phép chất ma túy mà có, nên cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

[6] Đối với hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Trương Thị Phương T và Ngô Đức N đều không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm chịu án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

* Đối với bị cáo Trương Thị Phương T: Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14; điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị Phương T (tên gọi khác "V", "K") phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Trương Thị Phương T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Bản án số: 33/2016/HSST ngày 04/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 09 (chín) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án.

* Đối với bị cáo Ngô Đức N: Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14; điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Bị cáo Ngô Đức N (tên gọi khác "C") phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Ngô Đức N 07 (bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 06/4/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 24 của Luật phòng, chống ma túy. Tuyên bố:

* Trả lại cho anh Phạm Văn T 01 (một) chiếc xe môtô nhãn hiệu Sirius màu đen biển kiểm soát 43S8-ABCD;

* Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen;

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 800.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

* Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây kéo lưỡi làm bằng kim loại màu trắng, cán màu tím; 02 chiếc bật lửa gas; 01 vỏ nylon màu trắng; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng chất ma túy gồm (ống hút bằng nhựa, ống thủy tinh "nỏ" gắn với bịch nhựa màu trắng bên trong có chứa chất lỏng màu trắng đậy bằng nắp nhựa màu xanh và 03 đoạn ống nhựa tách rời); 01 ống thủy tinh "nỏ";

*Tịch thu, tiêu hủy 0,0277 gam mẫu tinh thể rắn màu trắng có Methamphetamine trong gói niêm phong ký hiệu A1 cùng các vật liệu dùng để gói, niêm phong khi giám định, là chất ma túy thuộc danh mục II số thứ tự 67 của Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất.

(Tất cả các vật chứng trên có số lượng, đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số: 07/BBVC-CCTHADS ngày 27/11/2017 giữa Cơ quan Công an huyện P với Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

- Buộc bị cáo Trương Thị Phương T phải nộp lại 800.000 đồng tiền mua bán trái phép chất ma túy để sung quỹ Nhà nước.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 mục I phần A của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trương Thị Phương T, Ngô Đức N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo đối với phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các bị cáo;
- Hồ sơ thi hành án hình sự;
- Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Ngọc Tú